

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13/8/2022

V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vân và ông Đặng Viết Côi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Đỗ B - sinh năm 1979

2. Bị đơn: Chị Lộc Thị L - sinh năm 1982

Đều có nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T1, huyện U, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đình V – sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: thôn P, xã H, huyện V, thành phố Hải Phòng.

(Anh B, chị L và anh V đều có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai anh Trương Đỗ B là nguyên đơn trình bày: Năm 2018, anh và chị Lộc Thị L có phát sinh tình cảm, lúc đó anh không biết chị L chưa ly hôn anh Nguyễn Đình V. Ngày 12/6/2019 chị L sinh cháu Trương Gia H1 (con chung giữa anh và chị L). Khi đó, anh và chị L làm thủ tục đăng ký kết hôn và thủ tục khai sinh cho cháu H thì lúc anh mới biết chị L chưa ly hôn anh V. Ngày 20/7/2020, chị L và anh V làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng, khi đó giữa chị L và anh V có 01 con chung là cháu Nguyễn Đình Quang Minh – sinh năm 2005 mà chưa làm thủ tục xác nhận cháu H là con riêng của chị L. Ngày 31/8/2020, anh và chị L làm thủ tục kết hôn. Xong đến nay vẫn chưa làm thủ tục khai sinh cho

cháu H được. Anh làm đơn đề nghị Tòa xác nhận anh là cha cháu H. Qua kết luận giám định ADN thể hiện anh và cháu H là cha con. Để bảo đảm quyền lợi cho cháu H; anh đề nghị Tòa giải quyết anh là cha cháu Trương Gia H1 – sinh ngày 12/6/2019.

Tại biên bản lấy lời khai, chị Lộc Thị L là bị đơn trình bày: Năm 2005, chị và anh Nguyễn Đình V kết hôn và có 01 con chung là Nguyễn Đình Quang Minh – sinh năm 2005. Do mâu thuẫn nên năm 2013, chị và anh V sống ly thân, chị lên Hà Nội làm và có quen biết với anh Trương Đỗ B. Giữa chị và anh B nảy sinh tình cảm và có con chung là Trương Gia H1 – sinh ngày 12/6/2019. Sau đó, ngày 20/7/2020, chị và anh V có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Ngày 31/8/2020, chị và anh Trương Đỗ B có làm thủ tục đăng ký kết hôn; xong vì cháu H sinh ra trong thời kỳ hôn nhân giữa chị với anh V nên đã không thể làm thủ tục khai sinh cho cháu H là con anh B. Nay chị đề nghị Tòa giải quyết xác nhận anh B là cha cháu H để bảo đảm quyền lợi cho cháu H.

Tại biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Đình V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 2005, anh và chị Lộc Thị L kết hôn và có một con chung là Nguyễn Đình Quang Minh – sinh năm 2005. Do mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2013, không liên quan gì đến nhau. Năm 2020, anh và chị L ly hôn tại Quyết định ly hôn của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, TP. Hải Phòng cũng xác định anh và chị L có 01 con chung, sau ly hôn anh được nuôi cháu Minh. Ngoài ra chị L có con với ai anh không biết; giữa anh và chị L chỉ có 01 con chung là cháu Minh. Nay anh B có đơn đề nghị xác định cha cho con, anh đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật. Do anh đang chấp hành án nên đề nghị Tòa cho anh vắng mặt tất cả các buổi làm việc và phiên tòa xét xử cho đến khi vụ án kết thúc.

Tại kết luận giám định ngày 21/6/2022 của Công ty Cổ phần dịch vụ phân tích di truyền giữa anh Trương Đỗ B và cháu Trương Gia H1 là: “Hai người trên có quan hệ huyết thống: cha – con”.

Tại phiên tòa, anh Trương Đỗ B, chị Lộc Thị L và anh Nguyễn Đình V đều có đơn xin vắng mặt phiên tòa và đều không xuất trình tài liệu chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử anh Trương Đỗ B là cha cháu Trương Gia H1 – sinh ngày 12/6/2019 (con của chị Lộc Thị L). Về án phí: anh B được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Anh Trương Đỗ B có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết xác nhận cha cho con đối với cháu Trương Gia H1. Do vậy, đây là tranh chấp xác nhận cha cho con theo khoản 4 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp về xác định cha cho con, bị đơn là chị Lộc Thị L có đăng ký nơi cư trú: Thôn T, xã T1, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập Nguyễn Đình V đến toà án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự; xong anh V đang tạm giam tại Trại tạm giam công an Thành phố Hải Phòng và có đơn xin vắng mặt tất cả các buổi làm việc, phiên tòa xét xử cho đến khi vụ án kết thúc; tại phiên tòa anh B, chị L và anh V có đơn xin vắng mặt; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; các đương sự đều xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về nội dung: Trước khi chị Lộc Thị L và anh Nguyễn Đình V ly hôn ngày 20/7/2020 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng thì anh Trương Đỗ B và chị Lộc Thị L phát sinh tình cảm và có con chung với nhau là cháu Trương Gia H1 – sinh ngày 12/6/2019. Sau khi ly hôn với anh V thì chị L và anh B có đăng ký kết hôn. Anh B đã có đơn đề nghị Tòa xác nhận anh là cha của cháu H. Tòa đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 02/2022/QĐ-TCGD ngày 10/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa để xét nghiệm huyết thống giữa anh B và cháu H. Ngày 21/6/2022 của Công ty Cổ phần dịch vụ phân tích di truyền có kết luận huyết thống giữa anh Trương Đỗ B và cháu Trương Gia H1 là: “Hai người trên có quan hệ huyết thống: cha – con”. Chị L cũng xác nhận cháu H là con của anh B; anh V đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật. Như vậy, anh B là cha của cháu H là phù hợp với quy

định tại khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, anh Trương Đỗ B và chị Lộc Thị L có con chung là Trương Gia H1 – sinh ngày 12/6/2019.

[3] Về án phí: Anh Trương Đỗ B được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xong trong quá trình giải quyết vụ án anh B tự nguyện sung vào ngân sách nhà nước số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Anh Trương Đỗ B là cha cháu Trương Gia H1 – sinh ngày 12/6/2019.

2. Cháu Trương Gia H1 – sinh ngày 12/6/2019 là con chung của anh Trương Đỗ B và chị Lộc Thị L.

3. Anh Trương Đỗ B tự nguyện sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng theo biên lai tạm thu tiền án phí, lệ phí số: 0057545 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS Ứng Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện